

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 17/2021/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2020, giữa:

* Nguyên đơn: Chị **Vy Thị H** - Sinh năm 1986

Trú tại: Thôn B, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

* Bị đơn: **Nguyễn Văn N** - Sinh năm 1985

Trú tại: Thôn P, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 01 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 01 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Vy Thị H và anh Nguyễn Văn N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Vy Thị H và anh Nguyễn Văn N thuận tình ly hôn.

* *Về con chung*: Giao con chung Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 26/9/2011 cho chị Vy Thị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

* *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị Vy Thị H không yêu cầu anh Nguyễn Văn Nghị cấp dưỡng nuôi con chung.

* *Về tài sản chung*: Chị Vy Thị H và anh Nguyễn Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về vay nợ chung*: Chị Vy Thị H và anh Nguyễn Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về án phí*: Chị Vy Thị H tự nguyện chịu 150.000^d (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Hạnh đã nộp là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 03792 ngày 24/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Chị Vy Thị H được hoàn trả lại số tiền: 150.000^d (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh + BBGN; 1;
- VKSND huyện B; 2;
- THADS H. Ba; 1;
- UBND xã C;
- (Nơi đăng ký kết hôn) 1;
- Các đương sự; 2;
- Lưu HS, VT. 2.

THẨM PHÁN

Ma Thị Nguyên